

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1660/2021/DS-ST

Ngày: 29/6/2021

V/v tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 602/2020/TLST-DS ngày 31/12/2020 về việc “*Tranh chấp nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3342/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ D1-15-01 Chung cư F, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Huyền T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 492/26 Đường F, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Từ ngày 15/11/2018 đến ngày 01/7/2019, bà Võ Thị L có tham gia ba dây hui do bà Phạm Thị Huyền T làm chủ hui cụ thể như sau: Dây hui thứ nhất, mở ngày 15/11/2018 và đóng vào ngày 15/6/2019, tổng cả dây hui có

15 phần, mỗi phần hụi là 5.000.000 đồng, người chơi chỉ đóng 4.000.000 đồng, bà Lam đã tham gia một phần và đóng được 08 lần (08 kỳ) với số tiền là 32.000.000 đồng; Dây hụi thứ hai tương tự như dây thứ nhất, mở ngày 01/01/2019 và đóng ngày 01/7/2019, bà Lam tham gia chơi hai phần, đã đóng được 07 lần (07 kỳ) với số tiền là 56.000.000 đồng; Dây thứ ba tương tự như dây thứ nhất và thứ hai mở ngày 15/4/2019 và đóng ngày 15/6/2019, bà Lam tham gia chơi hai phần, đã đóng được 03 lần (03 kỳ) với số tiền là 24.000.000 đồng. Tổng số tiền của ba dây hụi mà Võ Thị L đã đóng cho bà Phạm Thị Huyền T là 112.000.000 đồng, đóng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Do bà Phạm Thị Huyền T mất khả năng thanh toán tiền hụi khi đến ký đóng hụi và hốt hụi, thường xuyên trốn tránh nghĩa vụ của chủ hụi nên nguyên đơn bà Lam khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Huyền T trả lại số tiền đã nhận là 112.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

(2) Vào Ngày 08/4/2021, bị đơn bà Võ Thị Huyền Trang có mặt tại trụ sở Tòa án viết bản tự khai và thừa nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, bà Trang xác nhận có nhận của bà Võ Thị L tổng số tiền của ba dây hụi như nguyên đơn trình bày là 112.000.000 đồng, nay nguyên đơn khởi kiện bà Trang đồng ý trả lại, nhưng vì không có khả năng trả một lần và đề nghị trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Đồng thời bà Trang có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ kiện. Bà Phạm Thị Huyền T đã vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị Huyền T vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt). Nguyên đơn bà Võ Thị L có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Phạm Thị Huyền T và nguyên đơn bà Võ Thị L đều có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận và tiến hành phiên tòa giải quyết vụ án theo quy định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn đã được bị đơn thừa nhận và xác định đúng số tiền đã nhận. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Võ Thị L với bà Phạm Thị Huyền T phát sinh tranh chấp từ giao dịch dân sự tham gia chơi hụi và nợ hụi, là một hình thức giao dịch về tài sản, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn bà Phạm Thị Huyền T có đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà 492/26 Tỉnh lộ 43, khu phố 5, phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị L và bị đơn bà Phạm Thị Huyền T đều có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, có cơ sở xác định: bà Võ Thị L có tham gia ba dây hụi do bà Phạm Thị Huyền T làm chủ hụi cụ thể như sau: Dây hụi thứ nhất, mở ngày 15/11/2018 và đóng vào ngày 15/6/2019, mỗi phần hụi bà Võ Thị L đóng 4.000.000 đồng, tham gia một phần và đóng được 08 lần (08 kỳ) với số tiền là 32.000.000 đồng; Dây hụi thứ, mở ngày 01/01/2019 và đóng ngày 01/7/2019, bà Lam tham gia chơi hai phần, mỗi phần hụi bà Võ Thị L đóng 4.000.000 đồng, đã đóng được 07 lần (07 kỳ) với số tiền là 56.000.000 đồng; Dây thứ ba mở ngày 15/4/2019 và đóng ngày 15/6/2019, bà Lam tham gia chơi hai phần, mỗi phần hụi bà Võ Thị L đóng 4.000.000 đồng, đã đóng được 03 lần (03 kỳ) với số tiền là 24.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền của ba dây hụi mà Võ Thị L đã đóng cho bà Phạm Thị Huyền T là 112.000.000 đồng. Bị đơn bà Phạm Thị Huyền T vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, không trả tiền hụi khi đến ngày đóng hụi và lĩnh hụi. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền đã nhận 112.000.000 đồng, là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Thị Huyền T có nghĩa vụ trả cho Bà Võ Thị L số tiền 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bà Võ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phạm Thị Huyền T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng bà Trang còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng), buộc bà Phạm Thị Huyền T phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Bà Võ Thị L số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0058588 ngày 31/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên